

Số: 60/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 73/2026/TLST-VDS ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc: “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1985, địa chỉ: 7 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
- Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1992, địa chỉ: 6, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 28/11/2023 nên quan hệ hôn nhân của ông **C** và bà **T** là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và bỏ mặc nhau không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2025 đến nay. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** có 01 con chung là **Nguyễn Khôi N**, sinh ngày 09/11/2023. Ông **C** và bà **T** thỏa thuận, sau khi ông bà ly hôn, bà **T** sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Sự thỏa thuận này phù hợp

với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao con chung là **Nguyễn Khôi N** cho bà **T** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Ghi nhận bà **Nguyễn Thị Ánh T** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn C** cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền thăm nom con: Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, ông **Nguyễn Văn C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ánh T** và ông **Nguyễn Văn C** mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, tổng cộng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008283 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông **C**, bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** có 01 con chung là **Nguyễn Khôi N**, sinh ngày 09/11/2023.

Bà **Nguyễn Thị Ánh T** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà **Nguyễn Thị Ánh T** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn C** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Nguyễn Văn C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ánh T** và ông **Nguyễn Văn C** mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, tổng cộng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008283 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông **C**, bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đăng